TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 895/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Cường

Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: 45 Đường T, Phường Y, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn P, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: 45 Đường T, Phường Y, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Tuấn P tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2014 ngày 30/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp. Trong quá trình chung sống, bà và ông P xảy ra bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ hay nói chuyện được với nhau mà luôn xảy ra cãi vã dẫn đến tinh thần mệt mỏi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vào tháng 5/2019, khi mâu thuẫn đỉnh điểm, bà đã dọn ra ngoài ở riêng đến nay. Từ đó, ông P cũng không quan tâm hay cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông P 01 con chung tên là Nguyễn Bảo Như Y, sinh ngày 08/7/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Bà xác định giữa bà và ông P không có tài sản chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

+ Về tố tụng: Qua việc kiểm tra việc giải quyết vụ án dân sự đã được Toà án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; việc thông báo thụ lý vụ án; về việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng; triệu tập đầy đủ các đương sự để tự khai, mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tuân thủ đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 24/5/2019, đến ngày 28/10/2019, Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đúng thời hạn xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên toà đúng thời gian, địa điểm, thành phần đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các thủ tục tố tụng và nguyên tắc xét xử tại phiên

toà tuân thủ đúng luật định.

- Về nội dung và các yêu cầu của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

- *Quan hệ tranh chấp*: Vụ kiện giữa bà Bùi Thị Thanh N và ông Nguyễn Tuấn P là yêu cầu ly hôn được quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Thẩm quyền giải quyết*: Bà Bùi Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tuấn P có nơi cư trú tại 45 Đường T, Phường Y, quận P, Tp. HCM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp được qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bị đơn ông Nguyễn Tuấn P đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Tuấn P theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét bà Bùi Thị Thanh N có trình bày tại bản tự khai, hòa giải và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Thanh N theo quy định tại Khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét việc giao nộp, tiếp cập, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 17/7/2019, nguyên đơn có mặt và đã thực hiện việc công khai, giao nộp chứng cứ. Tòa án cũng tống

đạt thông báo kết quả phiên họp về giao nộp, tiếp cập, công khai chứng cứ cho bị đơn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự đã biết được chứng cứ của nhau và không có ai yêu cầu, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của đương sự giao nộp, các bên đương sự thừa nhận, không có ý kiến phản đối là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, Điều 91, 92, 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét các yêu cầu của đương sự*

3.1 Về hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2014 ngày 30/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thanh N và ông Nguyễn Tuấn P là hợp pháp.

Xét trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông P xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay vì tình cảm không còn, nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà N có yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, vợ chồng phải quan tâm chăm sóc, chia sẽ giúp đỡ nhau, nhưng trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông P không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Cả hai đều không cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Mặt khác, khi bà N nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông P đã được Tòa án triệu tập để làm việc và hòa giải nhưng đều vắng mặt, cho thấy ông P không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà N. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn ông P để ổn định cuộc sống là chính đáng phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 *Về con chung*: Bà N và ông P có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo Như Y, sinh ngày 08/7/2015. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Trẻ Nguyễn Bảo Như Y là bé gái, cần có sự bảo ban quan tâm chăm sóc và giáo dục về giới tính của người mẹ, như vậy mới đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, ông P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không đưa ra ý kiến, yêu cầu gì về quan hệ hôn nhân cũng như nuôi con chung. Do đó, vì lợi ích và đảm bảo sự phát triển của trẻ, nên đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà N

là có cơ sở được quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, nên chấp nhận.

3.3 *Về tài sản*: Bà xác định giữa bà và ông P không có tài sản chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên - Đại diện VKSND quận Phú Nhuận*:

- Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định;

- Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung và hướng xử lý vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà N.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:

Bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 96, 97, Điều 210; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 269, 273, 277, 278, 280, 281của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9; Điều 26, 30, 35, 53; và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh N.

1.1 Về hôn nhân:

Bà Bùi Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn P.

1.2 Về con chung:

- Giao con chung 01 con chung tên Nguyễn Bảo Như Y, sinh ngày 08/7/cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Ghi nhận bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

- Ông P được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của trẻ, bà N, ông P có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng cho con.

1.3 Về tài sản: Bà N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0041852 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND QPN;
- CCTHADS QPN;
- UBND H C,
Tỉnh Bến Tre.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Dương